Tên: ……..

Lớp: S2...

Ngày giao bài: Thứ…., ngày…./….

Ngày nộp bài: Thứ…., ngày…./….

Week: 14 - GVVN

Ngữ pháp HW: …….

Nghe HW: …….

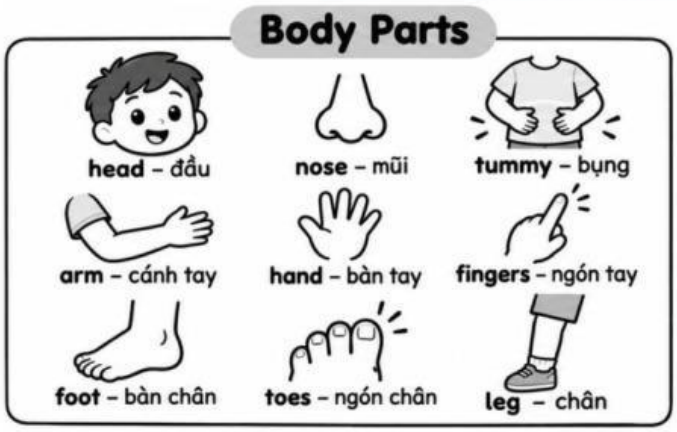
StarLink

Unit 3: Ready, steady, go! - Vocabulary & Present Continuous Revision

A. THEORY

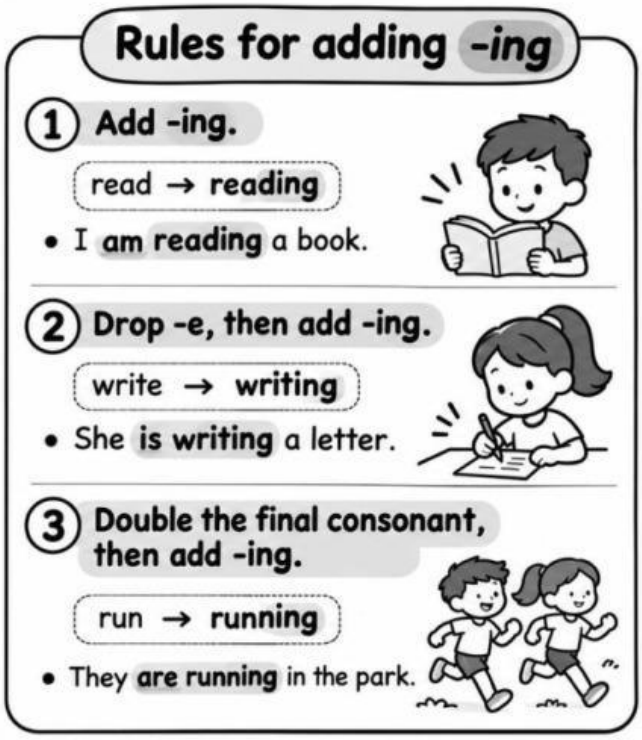
I. VOCABULARY REVISION

Con hãy truy cập link hoặc quét mã QR để nghe và đọc lại từ:
https://on.soundcloud.com/M2jHR4IygHhHbgwO3F





II. GRAMMAR REVISION



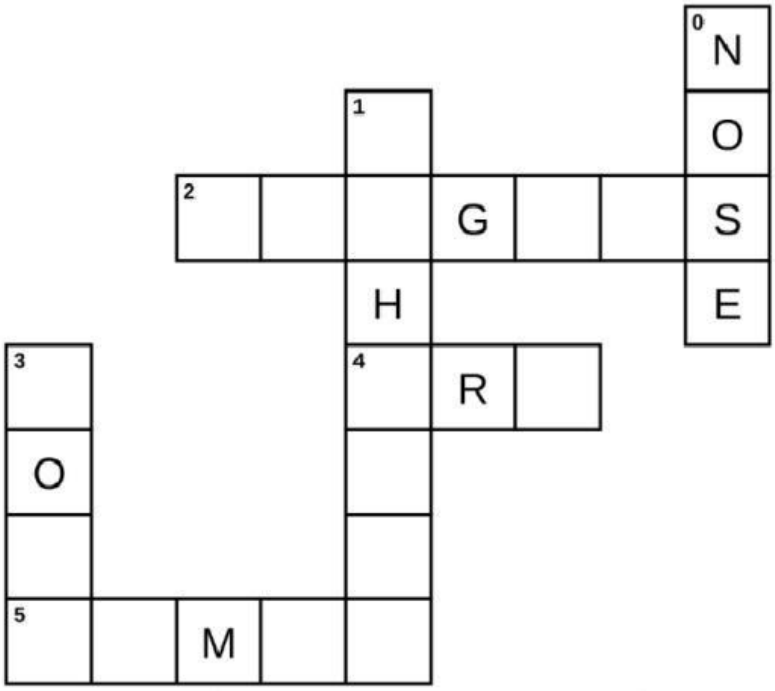


LIVEWORKSHEETS

B. HOMEWORK

GRAMMAR (15 questions)

I. Look at the pictures. Complete the crossword. *(Nhìn các bức tranh. Hoàn thành ô chữ.)*





II. Write the verbs with -ing. *(Viết động từ dạng V-ing.)*

	Verb	Verb + -ing
0	eat	*eating*
1	touch	_____
2	wave	_____
3	nod	_____
4	hop	_____
5	wiggle	_____

LIVEWORKSHEETS

III. Put the words in order. *(Sắp xếp từ theo thứ tự.)*

0. am / I / feeling / happy / .

→ ***I am feeling happy***.

1. is / tired / She / feeling / .

→ _____.

2. feeling / We / excited / are / .

→ _____.

3. isn't / angry / He / feeling / .

→ _____.

4. he / feeling / Is / scared / ?

→ _____?

5. feeling / Who / confused / is / ?

→ _____?

EXTRA VOCABULARY

Con hãy truy cập link hoặc quét mã QR để nghe và đọc từ:

https://on.soundcloud.com/dmPrghUFxxoI5yJLjD

Con hãy học thuộc từ để làm bài tập phía dưới và bài kiểm tra buổi sau nhé!



LIVEWORKSHEETS

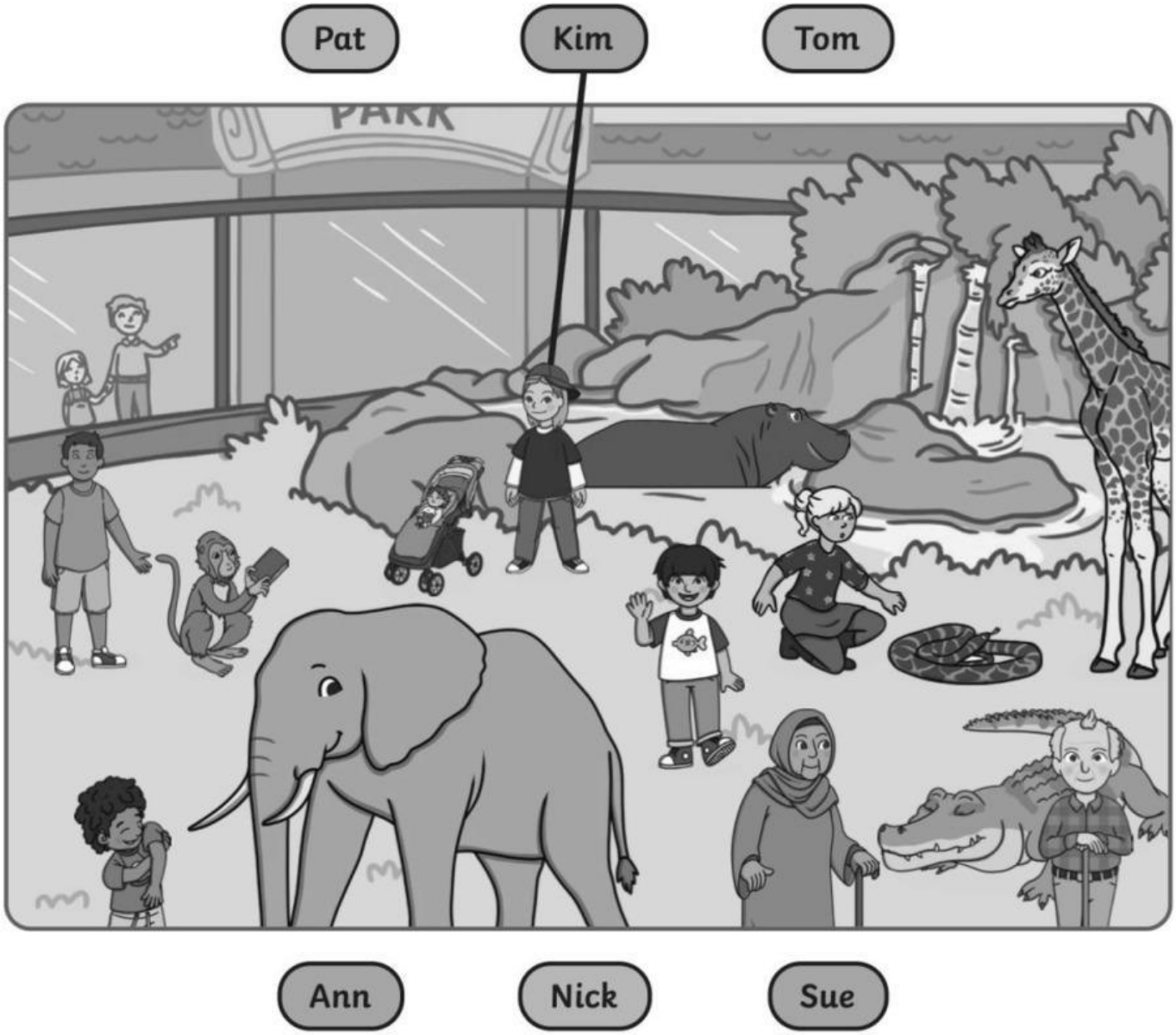
STARTERS LISTENING PRACTICE PART 1

Con hãy truy cập link hoặc quét mã QR để làm bài nghe:
https://on.soundcloud.com/u6Itfy4iTBZLEjdLn4

Listening | **Part 1**

5 Questions

Listen and draw lines. There is one example.



LIVEWORKSHEETS